

Số: /2021/NQ-HĐND
(Dự thảo)

Lào Cai, ngày tháng năm 2021

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng công chức, viên chức và thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai

I. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

II. Nội dung Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh

Nội dung, mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng công chức, viên chức và thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia thực hiện nhiệm vụ trong các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức và thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

3. Nội dung, mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng công chức, viên chức và thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

1. Chi biên soạn tài liệu và hướng dẫn ôn tập

2. Chi xây dựng ngân hàng đề

3. Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng thi và các bộ phận giúp việc: Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển; Ban giám sát; Ban đề thi; Ban coi thi; Ban phách; Ban chấm thi; Ban chấm phúc khảo; Ban kiểm tra sát hạch; Tổ thư ký giúp việc Hội đồng thi; Tổ sao in đề thi.

4. Chi khác: Thuê cơ sở vật chất, mua sắm hoặc thuê trang thiết bị phục vụ tổ chức kỳ thi; Chi phí ăn, ở, đi lại cho thành viên Hội đồng và các bộ phận giúp việc;.....

(Định mức cụ thể cho từng nội dung chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm)

PHỤ LỤC

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TÔ CHỨC KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ THI (XÉT) NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày / /2021 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi biên soạn, thẩm định nội dung tài liệu và hướng dẫn ôn tập		
1.1	Chi biên soạn, thẩm định nội dung tài liệu ôn tập		
	- Tổ trưởng, tổ phó	Người/ngày	350.000
	- Thành viên	Người/ngày	200.000
1.2	Chi hướng dẫn ôn tập		
	- Giảng viên, báo cáo viên thuộc cơ sở đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu, cơ quan, đơn vị trung ương	Người/buổi	1.500.000
	- Giảng viên, báo cáo viên thuộc các cơ sở đào tạo bồi dưỡng, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh	Người/buổi	1.000.000
2	Chi xây dựng ngân hàng đề		
2.1	Đề trắc nghiệm		
	- Soạn thảo câu hỏi trắc nghiệm để đưa vào biên tập	Câu	50.000
	- Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm	Câu	45.000
	- Định cỡ câu trắc nghiệm	Người/ngày	300.000
	- Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm	Người/ngày	200.000
2.2	Đề tự luận, sát hạch, phỏng vấn	Đề	630.000
3	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng thi (xét) và các bộ phận giúp việc		
3.1	Hội đồng thi (xét)		
	- Chủ tịch	Người/ngày	275.000
	- Phó Chủ tịch	Người/ngày	220.000

	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	180.000
3.2	Ban Kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển (<i>áp dụng đối với các kỳ thi/ xét tuyển công chức, viên chức</i>)		
	- Trưởng ban	Người/ngày	190.000
	- Phó ban	Người/ngày	175.000
	- Thành viên, thư ký	Người/ngày	150.000
3.3	Ban Kiểm tra sát hạch, Ban coi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	210.000
	- Phó ban	Người/ngày	200.000
	- Thư ký, giám thị, giám khảo phỏng vấn, kỹ thuật viên	Người/ngày	165.000
	- Y tế, phục vụ	Người/ngày	70.000
3.4	Ban Giám sát		
	- Trưởng ban	Người/ngày	240.000
	- Phó ban	Người/ngày	165.000
	- Thành viên	Người/ngày	165.000
3.5	Ban Phách		
	- Trưởng ban	Người/ngày	240.000
	- Phó ban	Người/ngày	200.000
	- Thành viên	Người/ngày	165.000
3.6	Ban Đề		
	- Trưởng ban	Người/ngày	275.000
	- Phó ban	Người/ngày	220.000
	- Thành viên	Người/ngày	385.000
	- Thư ký, Bảo vệ vòng trong	Người/ngày	180.000
	- Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	90.000
	- Y tế, Phục vụ	Người/ngày	80.000

3.7	Tổ sao in đề thi		
	- Tổ trưởng	Người/ngày	250.000
	- Tổ phó	Người/ngày	220.000
	- Thành viên, thư ký, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	180.000
	- Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	90.000
	- Y tế, Phục vụ	Người/ngày	80.000
3.8	Ban Chấm thi, Ban chấm phúc khảo		
	- Trưởng ban	Người/ngày	240.000
	- Phó Trưởng Ban	Người/ngày	200.000
	- Thư ký	Người/ngày	165.000
	- Thành viên, giám khảo		
	+ Chấm bài thi tự luận	Bài/người	55.000
	+ Chấm bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	310.000
3.10	Tổ Thư ký giúp việc		
	- Tổ trưởng	Người/ ngày	190.000
	- Thành viên	Người/ ngày	150.000
4	Chi khác		Theo thực tế phát sinh, hợp đồng, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo theo đúng quy định pháp luật hiện hành.